

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

Số: 4965/TCT-CS
V/v: trả lời kiến nghị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Dịch vụ ST.
(Địa chỉ 167 Phạm Hữu Lầu, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)

Tổng cục Thuế nhận được văn bản số 9980/VPCP-ĐMDN ngày 01/11/2019 của Văn phòng Chính phủ chuyển kiến nghị của Công ty TNHH Dịch vụ ST về thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với dịch vụ cầm đồ. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Quy định về đối tượng chịu thuế GTGT:

Tại Điều 3 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 3/6/2008 của Quốc Hội (được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT) quy định về đối tượng chịu thuế như sau:

“Điều 3. Đối tượng chịu thuế

Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.”

2. Các quy định về thuế suất:

a) Tại Điều 8 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội quy định về thuế suất như sau:

“Điều 8. Thuế suất

3. Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

b) Tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng quy định về thuế suất như sau:

“Điều 11. Thuế suất 10%

Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.”

3. Quy định về giá tính thuế:

Tại Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng quy định như sau:

“Điều 7. Giá tính thuế

17. Đối với dịch vụ cầm đồ, số tiền phải thu từ dịch vụ này bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay cầm đồ và khoản thu khác phát sinh từ việc bán hàng cầm đồ (nếu có) được xác định là giá đã có thuế GTGT.

Giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Số tiền phải thu}}{1 + \text{thuế suất}}$$

Ví dụ 44: Công ty kinh doanh cầm đồ trong kỳ tính thuế có doanh thu cầm đồ là 110 triệu đồng.

$$\text{Giá tính thuế GTGT được xác định bằng: } \frac{110 \text{ triệu đồng}}{1 + 10\%} = 100 \text{ triệu đồng.}”$$

Dịch vụ cầm đồ và các khoản thu khác từ việc cung cấp dịch vụ cầm đồ thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của pháp luật về thuế giá trị gia tăng nêu trên, trong đó nội dung quy định, hướng dẫn về giá tính thuế đối với dịch vụ cầm đồ và các khoản thu khác từ việc cung cấp dịch vụ cầm đồ được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Công ty TNHH Dịch vụ ST liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn cụ thể.

Tổng cục Thuế có ý kiến để Công ty TNHH Dịch vụ ST được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Vụ Đối mới doanh nghiệp - VPCP;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Văn phòng Bộ;
- Phó TCTr. Nguyễn Thế Mạnh (để báo cáo);
- Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh (để biết);
- Vụ PC - BTC;
- Vụ PC - TCT;
- Website TCT;
- Lưu: VT, CS (3).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH**

Lưu Đức Huy